



QUY CHẾ
Phối hợp tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70/2025/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Khách quan, toàn diện, công khai, kịp thời, hiệu quả; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; có trọng tâm, trọng điểm.

2. Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, có kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan nhà nước, sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong tổ chức thi hành pháp luật.

3. Bảo đảm sự gắn kết giữa tổ chức thi hành pháp luật với xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Bảo đảm không cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.
3. Báo cáo định kỳ, đột xuất, theo chuyên đề, tình hình xử lý kiến nghị, sơ kết và tổng kết về tổ chức thi hành pháp luật.
4. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
5. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
6. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Tổ chức cuộc họp.
3. Tổ chức hội nghị, hội thảo, mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản có liên quan.
4. Cung cấp thông tin (bằng văn bản), tài liệu có liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
5. Tổ chức kiểm tra về công tác tổ chức thi hành pháp luật.
6. Bố trí cơ sở vật chất, nguồn lực để thực hiện công tác phối hợp triển khai việc tổ chức thi hành pháp luật.
7. Các hình thức khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho công tác phối hợp tổ chức thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào thì do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác phối hợp tổ chức thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

Chương II TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 6. Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 do Chính phủ trình, các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của luật, nghị quyết, pháp lệnh và

yêu cầu quản lý nhà nước có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của luật, nghị quyết, pháp lệnh và yêu cầu quản lý nhà nước có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tại địa phương.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 80/2025/NĐ-CP), căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của văn bản, các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành nếu thấy cần thiết.

Điều 7. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Trường hợp đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, có nhiều nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, kiến nghị hoặc văn bản ủy quyền, các sở, ban, ngành tỉnh gửi văn bản yêu cầu phối hợp hoặc tổ chức cuộc họp với các cơ quan có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu phối hợp, cơ quan có liên quan gửi văn bản trả lời về những nội dung được yêu cầu liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của cơ quan có liên quan hoặc ngày tổ chức cuộc họp với các cơ quan có liên quan, cơ quan, người có thẩm quyền hướng dẫn gửi văn bản hướng dẫn cho cơ quan đề nghị, tổ chức, cá nhân kiến nghị.

2. Trường hợp đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, có nhiều nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, kiến nghị hoặc văn bản ủy quyền, các cơ quan chuyên môn cấp xã gửi văn bản yêu cầu phối hợp hoặc tổ chức cuộc họp với các cơ quan có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu phối hợp,

cơ quan có liên quan gửi văn bản trả lời về những nội dung được yêu cầu liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của cơ quan có liên quan hoặc ngày tổ chức cuộc họp với các cơ quan có liên quan, cơ quan, người có thẩm quyền hướng dẫn gửi văn bản hướng dẫn cho cơ quan đề nghị, tổ chức, cá nhân kiến nghị.

Điều 8. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật

1. Các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hằng năm; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề thuộc ngành, lĩnh vực quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp để tổng hợp).

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hằng năm; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề theo lĩnh vực quản lý tại địa phương gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp.

3. Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hằng năm; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề trên địa bàn tỉnh gửi về Bộ Tư pháp theo quy định.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo, thời gian lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 9. Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp để tổng hợp).

Điều 10. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Căn cứ kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật thu thập được thông qua các nguồn quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý kết quả trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; kịp thời xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hằng năm gửi Bộ Tư pháp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo việc xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật và gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp, theo dõi; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo việc xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

4. Trường hợp phát hiện văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản áp dụng trái pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan ban hành văn bản đó kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 12. Các sở, ban, ngành tỉnh**

1. Tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II của Quy chế này.

Điều 13. Sở Tư pháp

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tổ chức thi hành pháp luật.

2. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật.

3. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II của Quy chế này.

Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II của Quy chế này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.